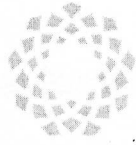


**CÔNG TY CỔ PHẦN
HTC HOLDING
HCT HOLDING
JOINT STOCK COMPANY**



CET HOLDING

Số/No.: 25/2024/CBTT-CET

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence – Freedom – Happiness**

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024
Hanoi, August 14, 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
DISCLOSURE OF INFORMATION**

Kính gửi/To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước/*The State Securities Commission*
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/*Hanoi Stock Exchange*

Công ty/Company: Công ty Cổ phần HTC Holding/ *HTC Holding JSC*

Mã chứng khoán/*Securities Code*: CET

Người thực hiện công bố thông tin/*Submitted by*: Ông (Mr.) Dương Thành Tín

Chức vụ/*Position*: Trưởng phòng Quan hệ nhà đầu tư/*Investor Relation Manager*

Địa chỉ/*Address*: Số 4 tầng 4, tòa nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình,
Thành phố Hà Nội /*No.4, 4th Floor, DaeHa Building, 360 Kim Ma, Ngoc Khanh Ward, Ba Dinh
District, Ha Noi.*

Điện thoại/*Telephone*: (020)3 864617

Fax: (028) 62 9911 88

Loại thông tin công bố: 24h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Information disclosure type: 24 hours Requested Irregular Periodic

Nội dung công bố thông tin/*Content of Information disclosure:*

Công ty Cổ phần HTC Holding (CET) công bố thông tin Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2024.

HTC Holding Joint Stock Company (CET) announces the reviewed first half 2024 Financial Statement.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty tại website: <https://cetholding.vn/> mục Quan hệ Nhà đầu tư.

This information has been published on our company's website: <https://cetholding.vn/> in Investor Relations section.

Tôi cam kết các thông tin trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông tin công bố.

I declare that all information provided in this paper is true and accurate; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

**NGƯỜI THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN/
INFORMATION DISCLOSURE
REPRESENTATIVE**



DƯƠNG THÀNH TÍN

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Căn cứ theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ký ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính về Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; CTCP HTC Holding (CET) xin giải trình với Quý Sở, Quý Ủy ban về chênh lệch lợi nhuận sau thuế trong BCTC soát xét bán niên năm 2024 như sau:

Giải trình biến động so với cùng kỳ:

Đơn vị tính: đồng

Loại Báo cáo tài chính ("BCTC")	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)			
	6 tháng 2024	6 tháng 2023	Chênh lệch (1) so với (2)	Tỷ lệ chênh lệch (1) so với (2)
	(1)	(2)	(3)= (1) - (2)	(4)= (3)/(2)*100
BCTC Soát xét bán niên 2024	-173.901.569	204.455.832	-378.357.401	--

Giải trình của công ty như sau:

- Trong 6 tháng đầu năm 2024, công ty lỗ sau thuế 173.901.569 đồng khi cùng kỳ công ty lãi sau thuế 204.455.832 đồng.
- Trong giai đoạn đầu năm 2024, công ty triển khai các kế hoạch mở rộng kinh doanh, mở rộng mạng lưới khách hàng đồng thời áp dụng chính sách bán hàng chiết khấu cao để tạo nền tảng khách hàng, đối tác qua đó mang về doanh thu 6 tháng đầu năm 2024 đạt 85,2 tỷ đồng tăng 135,3% so với cùng kỳ.
- Đồng thời việc tuyển dụng nhân sự quản lý, đội ngũ kinh doanh cũng như thực hiện các chiến dịch khách hàng làm tăng chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng đạt 4,8 tỷ đồng trong khi cùng kỳ, cả hai chi phí này chỉ đạt 194 triệu đồng qua đó ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.
- Tuy nhiên, khi doanh số bán hàng đạt được mức kỳ vọng của công ty và các chi phí tiếp tục được tối ưu hóa thì lợi nhuận của công ty sẽ được cải thiện đáng kể.

Công ty xin báo cáo để Quý Ủy ban và Sở được biết.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu VP

CTCP HTC HOLDING
NGƯỜI LUQ CÔNG BỐ THÔNG TIN



DƯƠNG THÀNH TÍN

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

*Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024*



Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh - Tel: 028.38205944 - Fax: 028.38205942

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 06
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	07 - 08
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09 - 09
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 - 10
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ	11 - 29



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần HTC Holding (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024.

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 4, Tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã “CET”.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);
-

4. Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ

Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính giữa niên độ

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4, Tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Đại diện Pháp luật trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông	Nguyễn Thế Tài	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)
Ông	Đỗ Văn Đạt	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 11/04/2024)
Ông	Nguyễn Mạnh Chiến	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)
Ông	Trần Hoàng Anh Tuấn	Phó Chủ tịch
Ông	Nguyễn Quốc Phương	Thành viên
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 11/04/2024)
Ông	Đỗ Văn Đạt	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)
Ông	Lý Thế Vinh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)
Bà	Hà Lê Thúy Vy	Thành viên độc lập
Bà	Trần Thị Kiều Tiên	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)
Ông	Trần Việt Tuấn	Thành viên độc lập (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông	Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc
Bà	Lê Hoàng Đài Trang	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 11/04/2024)
Bà	Trần Thị Thảo Trang	Phó Tổng Giám đốc
Bà	Trần Thị Thanh Nhân	Giám đốc tài chính
Bà	Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng

Ban Kiểm soát

Bà	Hồ Thị Minh Hiếu	Trưởng ban (Bổ nhiệm ngày 11/04/2024)
Bà	Nguyễn Thị Mai	Trưởng ban (Miễn nhiệm ngày 11/04/2024)
Bà	Nguyễn Thu Hà	Thành viên
Ông	Trịnh Quyết Tiến	Thành viên

Đại diện pháp luật

Ông	Nguyễn Thế Tài
Ông	Nguyễn Quốc Phương

Theo danh sách trên, không ai trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát sử dụng quyền lực mà họ được giao trong việc quản lý, điều hành Công ty để có được bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài những lợi ích thông thường từ việc nắm giữ cổ phiếu như các cổ đông khác.

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4, Tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc vào ngày nêu trên. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc của Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

TP. Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2024

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

Số: 653 /BCSX/TC/2024/AASCS

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần HTC Holding**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024 kèm theo của Công ty Cổ phần HTC Holding, được lập ngày 14/08/2024, từ trang 07 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm lập, trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần HTC Holding tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính

Kế toán và Kiểm toán Phía Nam

Phó Tổng Giám đốc



Đỗ Khắc Thanh

Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0064-2023-142-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		42.777.816.433	18.402.860.295
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	39.176.534.455	10.526.158.207
1. Tiền	111		29.176.534.455	10.526.158.207
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.083.783.270	7.653.178.316
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	254.720.400	1.155.880.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	1.155.888.856	6.487.592.960
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	1.673.174.014	9.705.356
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		517.498.708	223.523.772
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		517.498.708	223.523.772
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		49.418.581.069	64.684.769.906
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.04	49.000.000.000	64.600.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		49.000.000.000	64.600.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		418.581.069	84.769.906
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	418.581.069	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	84.769.906
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		92.196.397.502	83.087.630.201

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		25.015.042.261	15.732.373.391
I. Nợ ngắn hạn	310		25.015.042.261	15.732.373.391
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	14.979.828.578	152.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.08	108.881.215	121.046.931
4. Phải trả người lao động	314		20.722.222	-
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.09	206.040.786	100.000.000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	3.500.000.000	-
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	5.753.201.959	15.064.806.959
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		446.367.501	446.367.501
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		67.181.355.241	67.355.256.810
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	67.181.355.241	67.355.256.810
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		60.500.000.000	60.500.000.000
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		446.367.502	446.367.502
11. Lợi nhuận chưa phân phối	421		6.234.987.739	6.408.889.308
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		6.408.889.308	6.297.310.828
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(173.901.569)	111.578.480
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		92.196.397.502	83.087.630.201

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trịnh Phương Anh

Trịnh Phương Anh

Nguyễn Quốc Phương

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	85.209.344.106	36.219.700.000
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		85.209.344.106	36.219.700.000
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	80.550.160.150	35.766.600.000
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		4.659.183.956	453.100.000
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	1.035.142.865	104.450
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	816.320.675	64.970
+ Trong đó: chi phí lãi vay	23		712.798.790	-
8. Chi phí bán hàng	25		3.595.732.430	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.05	1.259.534.351	194.055.000
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		22.739.365	259.084.480
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	10.095.616	-
13. Lợi nhuận khác	40		(10.095.616)	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.643.749	259.084.480
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.08	101.775.412	54.628.648
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.09	84.769.906	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(173.901.569)	204.455.832
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(29)	34
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	(29)	34

Người lập biểu

Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Phương Anh

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.643.749	259.084.480
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	64.970
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(8.926.531)	(104.450)
- Chi phí lãi vay	06		712.798.790	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		716.516.008	259.045.000
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		4.275.420.110	9.008.028.611
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		18.610.679.331	(1.438.420.000)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(418.581.069)	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(712.798.790)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(118.180.873)	(35.770.601)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		22.353.054.717	7.792.883.010
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		15.600.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		8.926.531	104.450
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		15.608.926.531	104.450
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền thu từ đi vay	33		11.469.000.000	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(20.780.605.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(9.311.605.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		28.650.376.248	7.792.987.460
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		10.526.158.207	309.801.432
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(64.970)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII	39.176.534.455	8.102.723.922

Người lập biểu

Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng

Trịnh Phương Anh

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần HTC Holding (tiền thân là Công ty Cổ phần Tech - Vina) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0104230142 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Lào Cai cấp lần đầu ngày 28/10/2009. Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần HTC Holding theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13, ngày 25/05/2021 và đăng ký thay đổi lần gần nhất là lần thứ 16 ngày 10/05/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: 60.500.000.000 VND

Vốn góp của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024: 60.500.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại số 4, Tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty hiện được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã "CET".

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên;
- Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất;
- Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (Trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng và ván mỏng khác;
- Bán buôn vật liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
- Bán buôn vật liệu và các thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ, vật liệu tết bện;
- Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ loại Nhà nước cấm);

-

4. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường:

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ: Không có.

6. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Công ty có 06 nhân viên (tại ngày 01/01/2024 là 03 nhân viên).



II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

1. Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính riêng được lập và trình bày theo đúng quy định của chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành đang áp dụng.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

a. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền là toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại thời điểm báo cáo, gồm: tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

b. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư có thời gian thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày báo cáo có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

c. Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ phải theo dõi chi tiết theo nguyên tệ và phải được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch hoặc tỷ giá bình quân gia quyền di động.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ theo nguyên tắc:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ;

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.



2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Là các khoản đầu tư ra bên ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý vốn nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp như: Đầu tư góp vốn vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác...

Phân loại các khoản đầu tư khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản đầu tư có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu khách hàng: các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán giữa Công ty và người mua như bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý / nhượng bán tài sản, tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác;
- Phải thu nội bộ: các khoản phải thu giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải thu khác: các khoản phải thu không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Phân loại các khoản phải thu khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải thu có kỳ hạn thu hồi còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ (trừ các khoản trả trước cho người bán; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc người bán không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải nhận lại các khoản trả trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: các khoản nợ phải thu khó đòi được trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi lập Báo cáo tài chính. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng này được thực hiện ở thời điểm lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ. Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm mà Công ty đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì Công ty có thể phải làm các thủ tục bán nợ cho Công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán (thực hiện theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty).



4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**a. Nguyên tắc ghi nhận**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Các tài sản được Công ty mua về để sản xuất, sử dụng hoặc để bán không được trình bày là hàng tồn kho trên Bảng cân đối kế toán mà được trình bày là tài sản dài hạn, bao gồm:

- Sản phẩm dở dang có thời gian sản xuất, luân chuyển vượt quá một chu kỳ kinh doanh thông thường;
- Vật tư, thiết bị, phụ tùng thay thế có thời gian dự trữ trên 12 tháng hoặc hơn một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đối với hàng hóa nhập bán sỉ theo lô, công ty ghi nhận giá trị hàng xuất theo phương pháp thực tế đích danh.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối niên độ kế toán, nếu giá trị hàng tồn kho không thu hồi đủ do bị hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm hoặc chi phí hoàn thiện, chi phí bán hàng tăng lên thì Công ty lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

5. Ghi nhận các khoản phải trả

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo thời hạn thanh toán còn lại của các khoản phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán: các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác;
- Phải trả nội bộ: các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc;
- Phải trả khác: các khoản phải trả không có tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

Phân loại các khoản phải trả khi lập Báo cáo tài chính theo nguyên tắc như sau:

- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại không quá 12 tháng hoặc trong 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là ngắn hạn;
- Các khoản phải trả có thời gian thanh toán còn lại trên 12 tháng hoặc trên 1 chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là dài hạn.



10423

CÔNG
CỔ P
CHO

H PH

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật, Công ty đánh giá lại số dư của các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ (trừ các khoản người mua trả tiền trước; nếu tại thời điểm lập báo cáo có bằng chứng chắc chắn về việc Công ty không thể cung cấp hàng hóa, dịch vụ và Công ty sẽ phải trả lại các khoản nhận trước bằng ngoại tệ thì các khoản này được coi là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) theo tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh hoặc đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục có gốc ngoại tệ của hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

a. Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

b. Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phân công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

c. Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

8. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong kỳ và các chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư ...

Giá trị hàng tồn kho hao hụt, mất mát được ghi nhận vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có).

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung có định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được tính vào giá vốn hàng bán sau khi trừ đi các khoản bồi thường (nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí chung của công ty gồm các chi phí về lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý công ty; tiền thuê đất, thuế môn bài; dự phòng nợ phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; chi phí bằng tiền khác...

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.



12. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn trong hình thức pháp lý.

13. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám Đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.



V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Tiền mặt (*)	18.095.941.655	2.522.274.655
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	11.080.592.800	8.003.883.552
- Các khoản tương đương tiền (**)	10.000.000.000	-
Cộng	39.176.534.455	10.526.158.207

Ghi chú:

(*) Từ ngày 05/07/2024 đến ngày 08/07/2024, thực hiện Nghị quyết hội đồng quản trị số 26/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 05/07/2024 và Nghị quyết hội đồng quản trị số 27/2024/NQ-HĐQT-CET ngày 08/07/2024. Công ty đã tiến hành chi tạm ứng 18.000.000.000 đồng để tìm kiếm cơ hội đầu tư, hợp tác kinh doanh.

(**) Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là khoản tiền gửi có kỳ hạn 03 tháng tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam, lãi suất 2,6%/ năm.

2. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn	254.720.400	1.155.880.000
Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	254.720.400	-
Công ty TNHH Chế biến Nông sản Miền Tây	-	324.500.000
Công ty TNHH Thương mại Đông Xuyên	-	831.380.000
b. Dài hạn	-	-
c. Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Xem mục VIII.1 tại thuyết minh báo cáo tài chính này).		

3. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
a. Ngắn hạn	1.155.888.856	6.487.592.960
Công ty Cổ phần GAVI	1.155.880.000	6.211.892.960
Các đối tượng khác	8.856	275.700.000
b. Dài hạn	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN HTC HOLDING

Số 4, Tầng 4, toà nhà DaeHa, 360 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính giữa niên độ
Cho kỳ kế toán 06 tháng đầu năm 2024

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá trị gốc
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	49.000.000.000	-	-	64.600.000.000
+ Đầu tư vào công ty con	-	-	-	-
+ Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	-	-
+ Đầu tư vào các đơn vị khác	49.000.000.000	-	-	64.600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park (1)	49.000.000.000	-	-	49.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding (2)	-	-	-	15.600.000.000
Cộng	49.000.000.000	-	-	64.600.000.000

Ghi chú:

(1) Công ty Cổ phần HTC Holding đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park, tỷ lệ vốn góp 16,33%. Tại ngày 30/06/2024 và ngày 01/01/2024, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường.

(2) Thực hiện Nghị Quyết Hội đồng quản trị số 09/2024/NQ-HDQT-CET ngày 14/03/2024, Công ty đã thoái toàn bộ vốn góp của Công ty Cổ phần HTC Holding tại Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding.



5. PHẢI THU KHÁC

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	1.673.174.014	-	9.705.356	-
- Tạm ứng	928.216.261	-	-	-
+ Nguyễn Trung Kiên	82.000.000	-	-	-
+ Nguyễn Quốc Phương	846.216.261	-	-	-
- Phải thu khác	742.567.753	-	9.705.356	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Tín Thương	742.567.753	-	9.705.356	-
- Ký quỹ, ký cược	2.390.000	-	-	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	1.673.174.014	-	9.705.356	-

6. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	-	-	-	-
b. Dài hạn	-	-	418.581.069	-
- Chi phí sửa chữa văn phòng	-	-	418.581.069	-

7. PHẢI TRẢ CHO NGƯỜI BÁN

	Ngày 30/06/2024		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Ngắn hạn	14.979.828.578	14.979.828.578	152.000	152.000
- Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	14.957.800.000	14.957.800.000	-	-
- Các đối tượng khác	22.028.578	22.028.578	152.000	152.000
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	14.979.828.578	14.979.828.578	152.000	152.000

*c. Phải trả cho người bán là các bên liên quan
(Xem mục VIII.1 tại thuyết minh báo cáo tài chính này).*

8. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN NỢ CHO NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 01/01/2024</i>	<i>Phải nộp trong kỳ</i>	<i>Đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30/06/2024</i>
a. Phải nộp	121.046.931	147.025.888	159.191.604	108.881.215
Thuế thu nhập cá nhân	2.866.058	35.100.476	30.860.731	7.105.803
Thuế thu nhập doanh nghiệp	118.180.873	101.775.412	118.180.873	101.775.412
Thuế khác	-	10.150.000	10.150.000	-
b. Phải thu	-	-	-	-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

9. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
a. Ngắn hạn	206.040.786	100.000.000
- Trích trước chi phí kiểm toán	-	100.000.000
- Chi phí chi hộ ủy thác xuất khẩu	206.040.786	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	206.040.786	100.000.000

10. PHẢI TRẢ KHÁC

	<i>Ngày 30/06/2024</i>	<i>Ngày 01/01/2024</i>
a. Ngắn hạn	3.500.000.000	-
- Các khoản phải trả khác	3.500.000.000	-
+ Trần Hoàng Anh Tuấn	3.500.000.000	-
b. Dài hạn	-	-

11. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	Ngày 30/06/2024		Trong kỳ		Ngày 01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	5.753.201.959	5.753.201.959	11.469.000.000	20.780.605.000	15.064.806.959	15.064.806.959
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội (1)	5.269.000.000	5.269.000.000	5.269.000.000	8.428.605.000	8.428.605.000	8.428.605.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Bamboo Capital - Nguyễn Thị Quỳnh (2)	-	-	-	6.152.000.000	6.152.000.000	6.152.000.000
- Trương Khắc Trung	484.201.959	484.201.959	-	-	484.201.959	484.201.959
- Nguyễn Thị Diệu Mỹ	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	-
	-	-	3.200.000.000	3.200.000.000	-	-
b. Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	5.753.201.959	5.753.201.959	11.469.000.000	20.780.605.000	15.064.806.959	15.064.806.959

Ghi chú:

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng số 322/2023-HĐCVHM/NHCT131-HTC ngày 03/11/2023 có hạn mức tín dụng không quá 30.000.000.000 đồng, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm. Tài sản thế chấp là bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội (là bên liên quan do cùng thành viên ban điều hành).

(2) Là khoản vay mượn theo Hợp đồng số 01/2023/HĐMT ngày 03/07/2023 có kỳ hạn 12 tháng với lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 0%/năm. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

12. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của Chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.282.310.828	67.228.678.330
- Lợi nhuận tăng/(giảm) trong kỳ	-	-	204.455.832	204.455.832
Số dư tại ngày 30/06/2023	60.500.000.000	446.367.502	6.486.766.660	67.433.134.162
Số dư tại ngày 01/01/2024	60.500.000.000	446.367.502	6.408.889.308	67.355.256.810
- Lợi nhuận tăng/(giảm) trong kỳ	-	-	(173.901.569)	(173.901.569)
Số dư tại ngày 30/06/2024	60.500.000.000	446.367.502	6.234.987.739	67.181.355.241



12. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Vốn nhà nước	-	-
- Tổ chức, cá nhân khác	60.500.000.000	60.500.000.000
Trần Hoàng Cường	9.078.650.000	14.500.000.000
Lê Thị Tuyết Vân	-	12.300.000.000
Nguyễn Minh Thùy	-	6.960.000.000
Nguyễn Tấn Thọ	-	5.278.650.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	10.000.000.000	-
Bùi Thị Hải Yến	13.000.000.000	-
Trần Hoàng Anh Tuấn	6.960.000.000	-
Cổ đông khác	21.461.350.000	21.461.350.000
Cộng	60.500.000.000	60.500.000.000

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	60.500.000.000	60.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	60.500.000.000	60.500.000.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	6.050.000	6.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	6.050.000
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.050.000	6.050.000
+ Cổ phiếu phổ thông	6.050.000	6.050.000

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu

e. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư phát triển	446.367.502	446.367.502
	446.367.502	446.367.502

13. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30/06/2024	Ngày 01/01/2024
Ngoại tệ các loại		
- USD	394,22	57.635,83

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Đơn vị tính: VND

1. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

a. Tổng doanh thu

- Doanh thu bán hàng

b. Doanh thu đối với các bên liên quan

(Xem mục VIII.1 tại thuyết minh báo cáo tài chính này).

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
85.209.344.106	36.219.700.000
85.209.344.106	36.219.700.000

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn hàng hóa đã bán

Cộng

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
80.550.160.150	35.766.600.000
80.550.160.150	35.766.600.000

3. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay

- Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

Cộng

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
8.926.531	104.450
1.026.216.334	-
1.035.142.865	104.450

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Chi phí lãi vay

- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện

- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện

Cộng

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
712.798.790	-
103.521.885	-
-	64.970
816.320.675	64.970

5. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

a. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ

- Chi phí vật liệu, bao bì

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

b. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ

- Chi phí nhân viên quản lý

- Chi phí đồ dùng văn phòng

- Thuế, phí và lệ phí

- Chi phí dịch vụ mua ngoài

- Chi phí bằng tiền khác

Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
3.595.732.430	-
100.782.300	-
3.494.950.130	-
1.259.534.351	194.055.000
313.359.698	105.000.000
34.536.364	-
3.000.000	3.000.000
907.988.752	85.000.000
649.537	1.055.000

6. CHI PHÍ KHÁC

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Các khoản khác	10.095.616	-
Cộng	10.095.616	-

7. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Chi phí nhân công	313.359.698	105.000.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.402.938.882	85.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	138.968.201	4.055.000
Cộng	4.855.266.781	194.055.000

8. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.643.749	259.084.480
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	496.233.313	14.058.760
+ Các khoản điều chỉnh tăng	496.233.313	14.058.760
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Tổng thu nhập chịu thuế	508.877.062	273.143.240
- Tổng thu nhập tính thuế	508.877.062	273.143.240
- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	101.775.412	54.628.648
+ Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	101.775.412	54.628.648

9. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	84.769.906	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	84.769.906	-

Ghi chú: Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

Thực hiện Quyết định của Ban Giám Đốc số 206/2024/QĐ-CET ngày 29/06/2024, Công ty hoàn nhập khoản chi phí thuế TNDN hoãn lại năm 2023 số tiền 84.796.906 VND.

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024	Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(173.901.569)	204.455.832
CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	6.050.000	6.050.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(29)	34

11. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông CP phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	(173.901.569) 6.050.000	204.455.832 6.050.000
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	(29)	34

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

- Các giao dịch phi tiền tệ ảnh hưởng tới Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:** Không phát sinh.
- Các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không sử dụng:** Không phát sinh.
- Số tiền đi vay thực thu trong kỳ:**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	11.469.000.000	-

- Số tiền đã trả thực gốc vay trong kỳ:**

	<i>Từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024</i>	<i>Từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023</i>
- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	20.780.605.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Trong kỳ, các bên liên quan có giao dịch trọng yếu như sau:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại An Phát Holding	Đầu tư tài chính vào đơn vị khác (đến ngày 15/03/2024)
Công ty Cổ phần Đầu tư Diamond Park	Đầu tư tài chính vào đơn vị khác
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	Cổ đông góp vốn lớn vào Công ty
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	Cùng thành viên ban điều hành
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	Cùng thành viên ban điều hành
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng
Tạ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023)
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng và người công bố thông tin	Ban điều hành và các cá nhân có liên quan

b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/06/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/06/2023</u>
Thu hồi tiền tạm ứng		
Tạ Tiến Dũng	-	1.385.908.611
Nguyễn Quốc Phương	12.653.783.739	-
Tạm ứng		
Nguyễn Quốc Phương	13.500.000.000	-
Mua hàng hóa và dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	90.000.000	-
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	170.229.168	-
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	4.709.473.600	-
Nhận tài sản của cổ đông để thế chấp cho khoản vay		
Giá trị Bất động sản của Công ty Cổ phần Đầu tư Vian Hà Nội	18.698.000.000	-

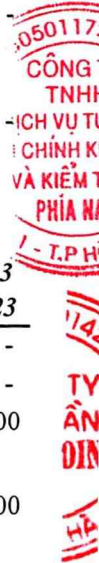
c. Thu nhập Hội Đồng Quản Trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và người quản lý khác

<u>Họ tên</u>	<u>Chức danh</u>	<u>Từ ngày 01/01/2024</u> <u>đến ngày 30/06/2024</u>	<u>Từ ngày 01/01/2023</u> <u>đến ngày 30/06/2023</u>
Nguyễn Quốc Phương	Tổng Giám đốc - Thành viên HĐQT	50.000.000	-
Trịnh Phương Anh	Kế toán trưởng	50.000.000	-
Tạ Tiến Dũng	Tổng Giám đốc (đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023)	-	45.000.000
Lê Văn Thắng	Kế toán trưởng (đến ngày miễn nhiệm 07/07/2023)	-	45.000.000
Cộng		100.000.000	90.000.000

Ghi chú: Trong kỳ, Công ty đang trong quá trình chuyển giao ban điều hành, tái cơ cấu nên các thành viên ban điều hành kiêm nhiệm và không nhận thù lao.

d. Số dư cuối kỳ với các bên liên quan

	<u>Ngày 30/06/2024</u>	<u>Ngày 01/01/2024</u>
Trả trước cho người bán		
Công ty TNHH Thương Mại Đầu Tư Vinh Khang	8.856	-
Phải thu khác		
Tạm ứng Nguyễn Quốc Phương	846.216.261	-
Phải trả cho người bán		
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Minh Phương Nam Hà Nội	14.957.800.000	-



2. THÔNG TIN VỀ BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty thực hiện toàn bộ hoạt động kinh doanh thương mại chỉ trên lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động thương mại là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty. Do vậy, Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động thương mại là một bộ phận kinh doanh duy nhất.

3. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho giai đoạn 06 tháng đầu năm 2023 đã được soát xét.

Người lập biểu



Trịnh Phương Anh

Kế toán trưởng



Trịnh Phương Anh

Lập, ngày 14 tháng 08 năm 2024

Tổng Giám đốc



Nguyễn Quốc Phương